



CHÍNH SÁCH VÀ QUẢN TRỊ KINH TẾ SỐ TẠI ĐÔNG NAM Á: MỘT PHÂN TÍCH THEO PHƯƠNG PHÁP HỖN HỢP KẾT HỢP TRẮC LƯỢNG THƯ MỤC VÀ TỔNG QUAN HỆ THỐNG

Dương Thị Hải Phương^{1, *}, Hồ Quốc Dũng²

¹ Trường Đại học Kinh tế, Đại học Huế, 99 Hồ Đắc Di, Huế, Việt Nam

² Khoa Kỹ thuật và Công nghệ - Đại học Huế, 01 Điện Biên Phủ, Huế, Việt Nam

* Tác giả liên hệ: Dương Thị Hải Phương <dthphuong@hce.edu.vn>

(Ngày nhận bài: 12-7-2025; Ngày chấp nhận đăng: 30-8-2025)

Tóm tắt. Nhằm khắc phục sự phân mảnh trong nghiên cứu chính sách kinh tế số, bài báo này sử dụng phương pháp hỗn hợp, kết hợp phân tích trắc lượng thư mục và tổng quan hệ thống trên 483 tài liệu từ Scopus về Đông Nam Á. Phân tích trắc lượng thư mục cho thấy sự bùng nổ công bố khoa học giai đoạn 2021–2024, với các chủ đề trọng tâm xoay quanh chuyển đổi số, hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, và quản trị công nghệ mới. Trên cơ sở đó, tổng quan hệ thống đã đi sâu làm sáng tỏ các vấn đề chính sách cốt lõi: sự cần thiết phải cân bằng giữa khung pháp lý nền tảng với chính sách tùy chỉnh; vai trò gián tiếp của chính phủ trong việc kiến tạo môi trường đổi mới; và bài toán cân bằng giữa khuyến khích công nghệ mới và quản lý rủi ro. Bằng cách tích hợp bề rộng định lượng với chiều sâu định tính, nghiên cứu cung cấp một cơ sở bằng chứng vững chắc, giúp các nhà hoạch định chính sách và cộng đồng khoa học định vị các xu hướng và khoảng trống nghiên cứu một cách tường minh hơn.

Từ khoá: chính sách kinh tế số, Đông Nam Á, phương pháp hỗn hợp, quản trị kinh tế số, tổng quan hệ thống, trắc lượng thư mục

Policy and governance of the digital economy in Southeast Asia: a mixed-methods analysis combining bibliometric and systematic reviews

Dương Thị Hải Phương^{1,*}, Hồ Quốc Dũng²

¹ University of Economics, Hue University, 99 Ho Duc Di, Hue, Vietnam

² School of Engineering and Technology – Hue University, 01 Dien Bien Phu, Hue, Vietnam

* Correspondence to Dương Thị Hải Phương <dthphuong@hce.edu.vn>

(Received: July 12, 2025; Accepted: August 30, 2025)

Abstract. This paper aims to address the fragmentation in digital economy policy research by employing a mixed-methods approach, combining bibliometric analysis and a systematic review of 483 documents from Scopus in Southeast Asia. The bibliometric analysis reveals a surge in scientific publications during the 2021–2024 period, with key themes centered on digital transformation, support for small and medium-sized enterprises, and the governance of new technologies. Building on this, the systematic review highlighted key policy debates: the need to balance foundational legal frameworks with tailored policies, the indirect role of government in fostering an innovative environment, and the challenge of striking a balance between promoting new technologies and managing risks. By integrating quantitative breadth with qualitative depth, the study provides a robust evidence base, enabling policymakers and the scientific community to identify trends and research gaps with greater clarity.

Keywords: digital economy policy, Southeast Asia, mixed-methods, digital economy governance, systematic review, bibliometrics.

1 Giới thiệu

Kinh tế số đang trở thành một động lực quan trọng trong sự phát triển của nền kinh tế toàn cầu [1]. Sự chuyển đổi từ mô hình kinh tế truyền thống sang nền kinh tế dựa trên nền tảng số đang diễn ra mạnh mẽ, được thúc đẩy bởi những tiến bộ nhanh chóng của công nghệ như trí tuệ nhân tạo (AI), dữ liệu lớn (Big Data), blockchain và Internet vạn vật (IoT). Trong bối cảnh này, chính sách và quản trị đóng vai trò trung tâm trong việc định hình sự phát triển bền vững của nền kinh tế số. Việc xây dựng các khung pháp lý phù hợp giúp tạo ra môi trường thuận lợi cho đổi mới sáng tạo, đảm bảo tính minh bạch, bảo vệ quyền riêng tư và thúc đẩy tính công bằng trong nền kinh tế kỹ thuật số [2]. Đặc biệt, đối với các quốc gia đang phát triển, việc tận dụng kinh tế số không chỉ giúp thu hẹp khoảng cách với các nền kinh tế tiên tiến mà còn tạo ra những cơ hội mới để nâng cao năng lực cạnh tranh, cải thiện hiệu quả quản lý nhà nước và thúc đẩy sự phát triển bền vững [3–5].

Cùng với sự phát triển của nền kinh tế số, sự quan tâm của giới nghiên cứu đối với chủ đề này cũng gia tăng đáng kể. Trong thập kỷ qua, số lượng các công trình khoa học tập trung vào các khía cạnh khác nhau của kinh tế số, chính sách và quản trị đã tăng nhanh, phản ánh mức độ quan tâm ngày càng lớn của cộng đồng học thuật đối với lĩnh vực này. Các nghiên cứu đã khám phá nhiều khía cạnh quan trọng như chính sách thúc đẩy đổi mới số, vai trò của chính phủ trong quản lý dữ liệu, các mô hình quản trị doanh nghiệp số, cũng như tác động của kinh tế số đối với tăng trưởng và phát triển bền vững [6]. Tuy nhiên, phần lớn các nghiên cứu hiện tập trung vào những vấn đề riêng lẻ mà thiếu đi một góc nhìn tổng thể, có hệ thống về sự tiến triển của toàn bộ lĩnh vực. Để giải quyết sự phân mảnh này, các phương pháp tổng quan như trắc lượng thư mục đã được áp dụng nhằm "vẽ bản đồ" cấu trúc và xu hướng của ngành khoa học. Mặc dù hữu ích, cách tiếp cận này lại bộc lộ một hạn chế cố hữu là chủ yếu dừng lại ở việc phân tích siêu dữ liệu (như từ khóa, tác giả) mà chưa thể đi sâu diễn giải nội dung học thuật cốt lõi bên trong các công trình.

Để giải quyết khoảng trống này, nghiên cứu này đề xuất một phương pháp tiếp cận hỗn hợp tuần tự, kết hợp phân tích trắc lượng thư mục với tổng quan hệ thống, khai thác dữ liệu từ cơ sở dữ liệu Scopus. Giai đoạn đầu, phân tích trắc lượng thư mục sẽ "vẽ bản đồ" định lượng toàn cảnh lĩnh vực, xác định các xu hướng và cụm chủ đề chính. Dựa trên kết quả đó, giai đoạn hai sẽ tiến hành tổng quan hệ thống để "phân tích sâu" nội dung học thuật, tổng hợp các lập luận và phát hiện từ những công trình tiêu biểu.

Đóng góp chính của nghiên cứu là cung cấp một bức tranh tri thức toàn diện và đa chiều. Nó không chỉ trả lời câu hỏi "ai đang nghiên cứu cái gì?" thông qua bản đồ trắc lượng thư mục, mà còn làm sáng tỏ "họ đã tìm thấy gì và bao gồm các luận điểm chính nào?" qua việc tổng hợp nội dung chuyên sâu. Qua đó, nghiên cứu mang lại cơ sở bằng chứng vững chắc cho các nhà hoạch định chính sách và giúp cộng đồng khoa học định vị các khoảng trống nghiên cứu một cách tường minh hơn.

Bài báo được cấu trúc thành sáu phần. Sau phần giới thiệu này, phần 2 đặt nền tảng về cơ sở lý thuyết, làm rõ các khái niệm về kinh tế số và vai trò của chính sách. Phần 3 mô tả chi tiết phương pháp luận hỗn hợp. Phần 4 trình bày kết quả nghiên cứu. Phần 5 thảo luận ý nghĩa của các kết quả, và cuối cùng, phần 6 tổng kết các đóng góp, hạn chế và đề xuất hướng nghiên cứu trong tương lai.

2 Cơ sở lý thuyết

2.1 Khái niệm và phạm vi kinh tế số

Theo OCDE, kinh tế số có thể được hiểu là một hệ thống kinh tế mà trong đó công nghệ số và dữ liệu đóng vai trò cốt lõi trong các hoạt động sản xuất, phân phối và tiêu dùng [2]. Các thành phần của nó bao gồm hạ tầng kỹ thuật số (như mạng viễn thông, điện toán đám mây, AI),

các nền tảng (như thương mại điện tử, dịch vụ tài chính số) và các mô hình kinh doanh số (như kinh tế chia sẻ) [7]. Sự phát triển của kinh tế số được thúc đẩy bởi nhiều yếu tố khác nhau. Một trong những yếu tố quan trọng nhất là sự phát triển của công nghệ thông tin và truyền thông (ICT), đặc biệt là mạng 5G, dữ liệu lớn (Big Data) và AI. Bên cạnh đó, mức độ phổ cập Internet và thiết bị di động cũng đóng vai trò quan trọng trong việc mở rộng khả năng tiếp cận các dịch vụ số [8]. Ngoài ra, các chính sách hỗ trợ chuyển đổi số từ phía chính phủ cũng là yếu tố quan trọng giúp các doanh nghiệp và tổ chức ứng dụng công nghệ số vào hoạt động của mình [9].

2.2 Chính sách và quản trị trong kinh tế số

Chính sách và quản trị đóng vai trò trung tâm trong việc định hình sự phát triển bền vững và công bằng của nền kinh tế số. Nhiều quốc gia đã triển khai các khung chính sách toàn diện, bao gồm các chiến lược về hạ tầng số, bảo vệ dữ liệu cá nhân, và an ninh mạng [10]. Chẳng hạn, Liên minh châu Âu đã ban hành Quy định chung về bảo vệ dữ liệu (GDPR) nhằm tạo ra một môi trường an toàn cho giao dịch dữ liệu số và đảm bảo quyền riêng tư của công dân [11].

Trong lĩnh vực quản trị, chính phủ các nước ngày càng chú trọng đến việc xây dựng chính phủ điện tử và triển khai các chính sách thuế số để quản lý các nền tảng kỹ thuật số xuyên biên giới [12]. Chính phủ điện tử không chỉ giúp tăng cường hiệu quả cung cấp dịch vụ công mà còn tạo điều kiện thuận lợi cho sự tham gia của công dân và doanh nghiệp vào quá trình hoạch định chính sách [13], [14]. Trong khi đó, chính sách thuế số nhằm đảm bảo rằng các công ty công nghệ lớn như Google, Amazon và Facebook đóng góp công bằng vào ngân sách quốc gia, đặc biệt trong bối cảnh các mô hình kinh doanh số ngày càng mở rộng quy mô trên toàn cầu [15, 16].

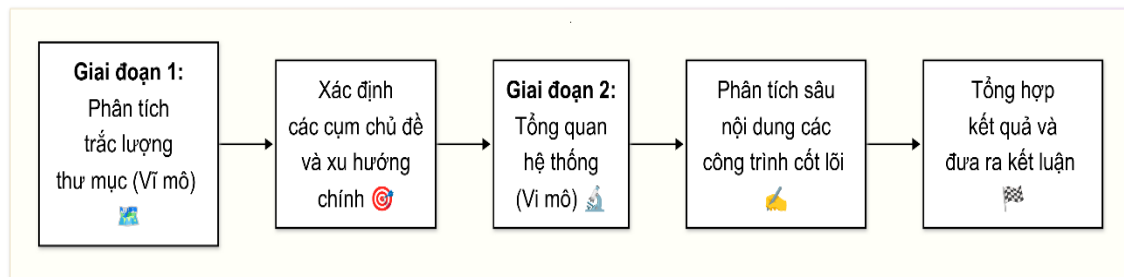
2.3 Trắc lượng thư mục và ứng dụng

Trắc lượng thư mục (bibliometric analysis) là một phương pháp nghiên cứu định lượng dùng để phân tích và "vẽ bản đồ" các xu hướng, tác giả có ảnh hưởng, và cấu trúc của một lĩnh vực khoa học dựa trên dữ liệu từ các công bố [17]. Trong nghiên cứu này, phần mềm VOSviewer được sử dụng như một công cụ mạnh mẽ để trực quan hóa mạng lưới từ khóa và các mối quan hệ hợp tác, qua đó xác định các chủ đề nghiên cứu nổi bật cũng như các khoảng trống học thuật cần được tiếp tục khai thác [18].

3 Phương pháp nghiên cứu

3.1 Thiết kế nghiên cứu

Để đạt được mục tiêu nghiên cứu một cách toàn diện, bài báo này áp dụng phương pháp nghiên cứu hỗn hợp tuần tự, được triển khai qua hai giai đoạn chính được minh họa trong quy trình nghiên cứu ở Hình 1 .



Hình 1. Quy trình nghiên cứu

3.2 Giai đoạn 1: Phân tích trắc lượng thư mục

Dữ liệu nghiên cứu được thu thập từ cơ sở dữ liệu Scopus, bao gồm các công bố từ tháng 01/2000 đến tháng 12/2024. Truy vấn tìm kiếm được thiết kế như sau: TITLE-ABS-KEY ("DIGITAL ECONOMIC" OR "DIGITAL ECONOMY") AND TITLE-ABS-KEY (THAILAND OR INDONESIA OR "VIET NAM" OR VIETNAM OR PHILIPPINES OR SINGAPORE OR CAMBODIA OR BRUNEI OR MALAYSIA OR LAOS OR "TIMOR-LESTE" OR MYANMAR OR ASEAN OR INDOCHINA). Sau quá trình rà soát thủ công, bộ dữ liệu cuối cùng đưa vào phân tích bao gồm 483 tài liệu. Toàn bộ dữ liệu được phân tích và trực quan hóa bằng phần mềm VOSviewer để xác định các xu hướng, mạng lưới từ khóa và các tác giả có ảnh hưởng. Việc phân tích các tác giả và nguồn tài liệu có ảnh hưởng được thực hiện dựa trên tần suất xuất bản (số lượng bài báo) được ghi nhận trong tập dữ liệu thu thập từ Scopus. Đây là một chỉ số cơ bản trong phân tích trắc lượng thư mục nhằm xác định mức độ hoạt động nghiên cứu của các cá nhân và đơn vị.

3.3 Giai đoạn 2: Tổng quan hệ thống

Giai đoạn này thực hiện phân tích sâu nội dung các dòng chảy nghiên cứu quan trọng nhất đã được xác định ở Giai đoạn 1. Thay vì tổng quan toàn bộ 483 tài liệu, nghiên cứu tập trung vào các công trình có ảnh hưởng lớn và phản ánh các xu hướng chính của ngành.

Quy trình lựa chọn được thực hiện qua các bước sau:

- Lựa chọn cụm chủ đề: Tập trung vào ba cụm chủ đề có tần suất xuất hiện và mức độ liên kết cao nhất từ kết quả phân tích mạng lưới từ khóa.
- Lựa chọn bài báo trong từng cụm: Trong mỗi cụm, các bài báo cốt lõi sẽ được xác định để phân tích toàn văn. Tiêu chí lựa chọn các bài báo này là: các bài có lượt trích dẫn cao nhất - được xem là những công trình nền tảng, có sức ảnh hưởng và các bài được xuất bản trong 3–5 năm gần đây để nắm bắt được các vấn đề và xu hướng chính sách mới nhất.
- Trích xuất và tổng hợp: Một biểu mẫu chuẩn được sử dụng để trích xuất các thông tin cốt lõi từ các bài báo được chọn, bao gồm tác giả, năm xuất bản, lượt trích dẫn, phát hiện chính và

khuyến nghị chính sách. Dữ liệu sau đó được tổng hợp bằng phương pháp tổng hợp tường thuật theo từng cụm chủ đề.

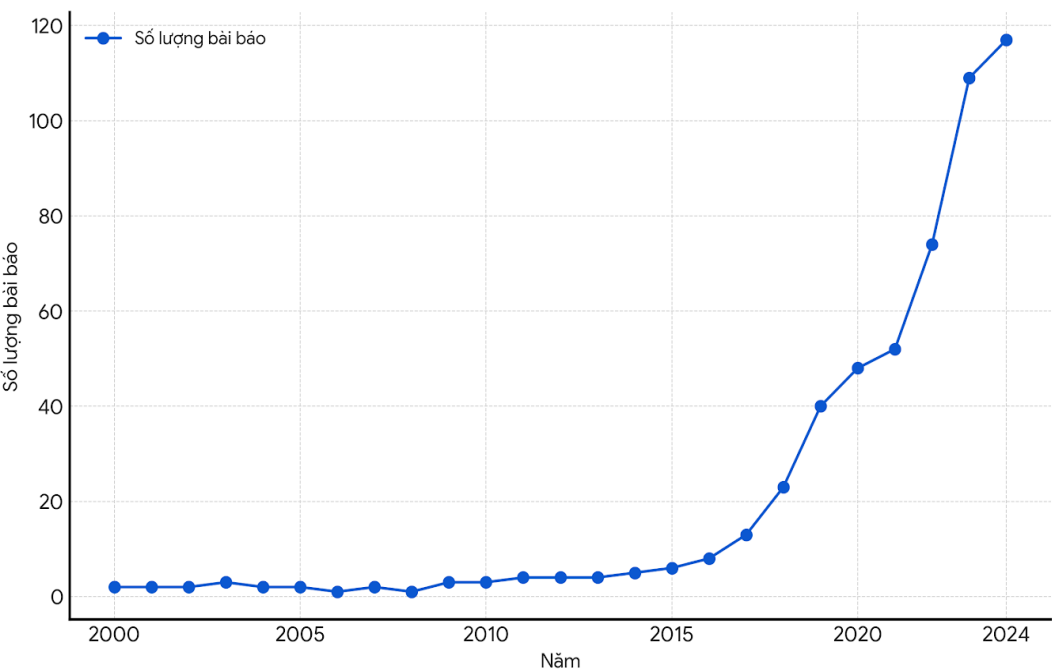
4 Kết quả nghiên cứu

4.1 Kết quả phân tích trắc lượng thư mục

Phần này trình bày các kết quả phân tích định lượng vĩ mô, tập trung vào các xu hướng công bố, các chủ đề nghiên cứu trọng tâm, và mạng lưới hợp tác trong lĩnh vực chính sách và quản trị kinh tế số tại Đông Nam Á.

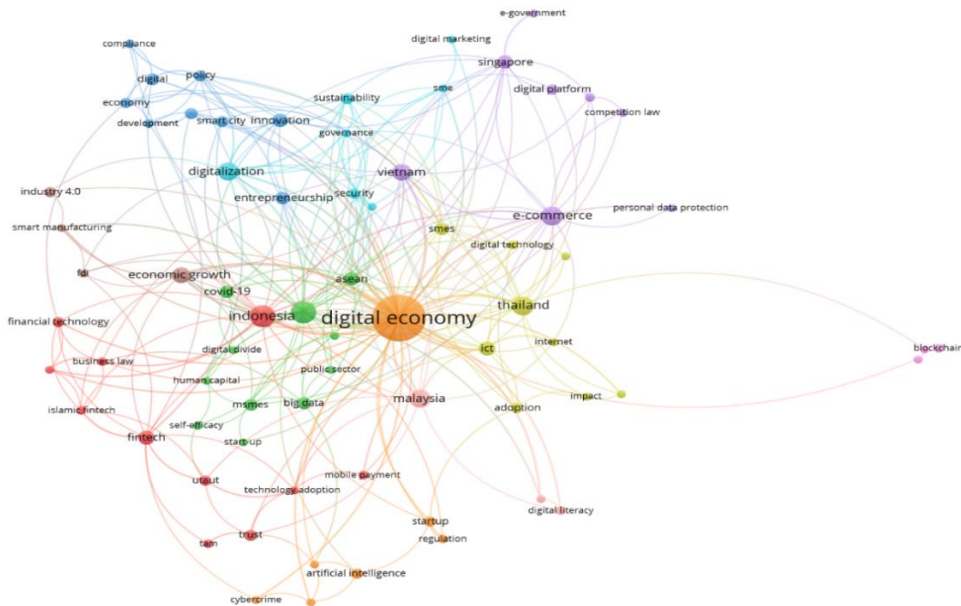
- Xu hướng công bố khoa học

Phân tích dữ liệu từ Scopus cho thấy sự quan tâm của giới học thuật đối với lĩnh vực này đã tăng trưởng một cách đáng kể trong những năm gần đây. Như minh hoạ trong Hình 2, sau giai đoạn đầu (2000–2015) khá im ắng, số lượng công bố bắt đầu tăng nhanh và bùng nổ trong giai đoạn 2021–2024, đạt đỉnh điểm với 117 bài vào năm 2024. Xu hướng này phản ánh mức độ cấp thiết và sự quan tâm ngày càng lớn của các nhà nghiên cứu đối với việc hoạch định chính sách trong bối cảnh chuyển đổi số đang diễn ra mạnh mẽ.



Hình 2. Xu hướng nghiên cứu về chính sách và quản trị trong kinh tế số

- Mạng lưới từ khóa và các chủ đề trọng tâm



Hình 3. Mạng lưới đồng xuất hiện của các từ khóa trong nghiên cứu về chính sách và quản trị kinh tế số

Mạng lưới đồng xuất hiện của các từ khóa phổ biến (Hình 3) cung cấp một cái nhìn tổng quan về cấu trúc tri thức của lĩnh vực. Từ khóa "*digital economy*" (kinh tế số) đóng vai trò là hạt nhân trung tâm, kết nối chặt chẽ với các chủ đề nhánh. Phân tích sâu hơn, mạng lưới này cho thấy rõ ba dòng chảy nghiên cứu chính sau:

- Chuyển đổi số và Thương mại điện tử: Một cụm lớn và nổi bật xoay quanh các từ khóa "*digital transformation*" (chuyển đổi số), "*digitalization*" (số hoá) và "*e-commerce*" (thương mại điện tử). Sự liên kết của chúng với các quốc gia như Indonesia và Malaysia cho thấy đây là một chủ đề chính sách cốt lõi, tập trung vào việc xây dựng nền tảng cho kinh tế số.

- Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa (SMEs): Cụm từ khóa "*smes*" và "*msmes*" có một vị trí rõ ràng trên bản đồ, kết nối với các thuật ngữ như "*adoption*" (sự chấp nhận) và "*entrepreneurship*" (tinh thần khởi nghiệp). Điều này khẳng định việc hỗ trợ SMEs chuyển đổi số là một dòng chảy nghiên cứu độc lập và quan trọng.

- Quản trị công nghệ mới: Các công nghệ đột phá như "*fintech*", "*artificial intelligence*" và "*blockchain*" hình thành các nhóm riêng biệt, liên kết với các khái niệm về "*governance*" (quản trị) và "*policy*" (chính sách). Dòng chảy này phản ánh nỗ lực của các nhà nghiên cứu trong việc giải quyết các thách thức quản lý do công nghệ mới mang lại.

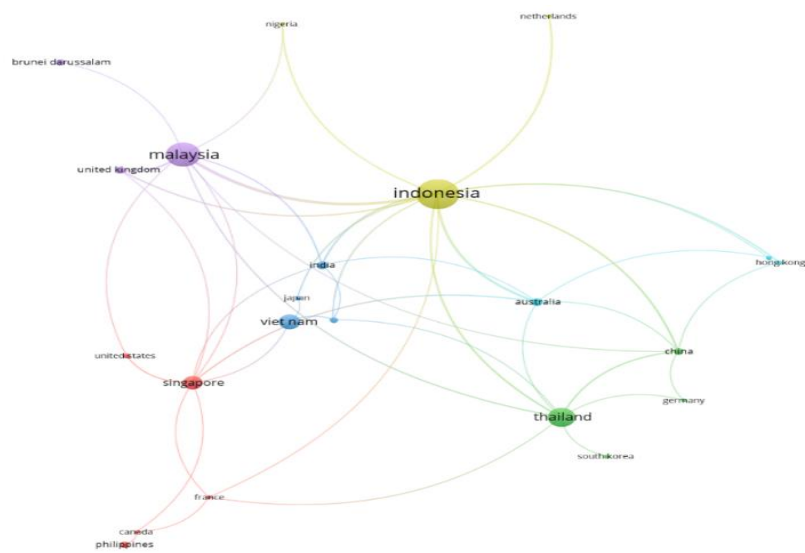
Như vậy, bản đồ trắc lượng thư mục không chỉ vẽ nên cấu trúc tổng thể mà còn định vị rõ ràng các lĩnh vực thảo luận chính sách chuyên sâu, tạo tiền đề vững chắc cho phần tổng quan hệ thống tiếp theo.

- Phân tích tác giả và hợp tác nghiên cứu

Dữ liệu ở Bảng 1 cho thấy lĩnh vực này có tính phân mảnh cao, chưa có tác giả hay nhóm nghiên cứu nào chiếm vị thế áp đảo. Thay vào đó, tri thức được đóng góp bởi nhiều nhóm nghiên cứu độc lập. Thêm vào đó, mạng lưới hợp tác (Hình 4) cũng chỉ ra rằng các mối liên kết chủ yếu diễn ra trong phạm vi một quốc gia hoặc khu vực địa lý lân cận. Mức độ hợp tác quốc tế và liên ngành dù đã xuất hiện nhưng vẫn còn hạn chế, cho thấy tiềm năng lớn để thúc đẩy các mạng lưới nghiên cứu rộng hơn trong tương lai.

Bảng 1. Mười tác giả có số lượng bài báo nhiều nhất trong nghiên cứu về chính sách và quản trị kinh tế số

Tác giả	Số lượng bài báo
Cheung P.; Jingting L.; Sengstschimid U.	2
Nguyen T.H.	2
Subkhan F.; Maarif M.S.; Rochman N.T.	2
Moolngearn P.; Kraiwanit T.	2
Lee C.	2
Chen L.; Kimura F.	2
Sombat P.; Chaiyasoonthorn W.; Chaveesuk S.	2
Siew L.S.; Leng L.Y.	2
Hardaker S.	1
Ally A.M.	1



Hình 4. Mạng lưới hợp tác giữa các tác giả

- Phân tích nguồn tài liệu khoa học

Phân tích các nguồn công bố (Bảng 2) cho thấy kỷ yếu hội thảo khoa học (conference proceedings), điển hình là ACM International Conference Proceeding Series, chiếm một tỷ trọng lớn trong tổng số các ấn phẩm. Điều này phản ánh tính năng động và tốc độ phát triển nhanh của lĩnh vực, nơi các kết quả nghiên cứu mới cần được chia sẻ một cách kịp thời. Bên cạnh đó, các tạp chí khoa học chuyên ngành khu vực như Journal of Southeast Asian Economies cũng đóng vai trò quan trọng trong việc đăng tải các nghiên cứu chuyên sâu về chính sách kinh tế số.

Bảng 2. Mười nguồn tài liệu có số lượng bài báo nhiều nhất

Nguồn tài liệu	Số lượng bài báo
ACM International Conference Proceeding Series	10
The ASEAN Digital Economy: Towards an Integrated Future	10
Communications in Computer and Information Science	8
Lecture Notes in Networks and Systems	8
AIP Conference Proceedings	7
Journal of Southeast Asian Economies	6
E3S Web of Conferences	6
International Journal of Innovation, Creativity and Change	5
Data Governance and the Digital Economy in Asia	5
Journal of Eastern European and Central Asian Research	5

4.2 Kết quả tổng quan hệ thống

Từ bản đồ tri thức được xây dựng ở Mục 4.1, nghiên cứu chuyển sang giai đoạn phân tích định tính chuyên sâu. Áp dụng phương pháp tổng quan hệ thống có trọng tâm, các công trình có ảnh hưởng lớn (dựa trên lượt trích dẫn) và các nghiên cứu gần đây thuộc ba dòng chảy chính đã xác định sẽ được phân tích.

- Dòng chảy 1: Chính sách thúc đẩy chuyển đổi số và thương mại điện tử

Phân tích tổng hợp các nghiên cứu trong Bảng 3 cho thấy một bức tranh chung về các rào cản chính sách mà khu vực Đông Nam Á đối mặt trong quá trình phát triển kinh tế số. Một rào cản phổ biến và xuyên suốt được nhiều công trình chỉ ra là sự thiếu hụt hoặc chưa hoàn thiện của các yếu tố nền tảng, bao gồm khung pháp lý rõ ràng cho thương mại điện tử, các quy định về bảo vệ dữ liệu cá nhân, và hạ tầng an ninh cho thanh toán số để xây dựng lòng tin. Bên cạnh đó, các rào cản về năng lực của doanh nghiệp, đặc biệt là SMEs về kiến thức và nguồn lực, cũng là một thách thức lớn.

Bảng 3. Tổng hợp các nghiên cứu tiêu biểu về chuyển đổi số và thương mại điện tử

Tác giả (Năm – Lượt trích dẫn)	Vấn đề chính sách	Phát hiện chính	Khuyến nghị
A. Barata (2019–151) [19]	Phát triển "kinh tế số Sharia" để vừa thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, vừa đảm bảo phân phối thu nhập công bằng, tận dụng tiềm năng từ dân số Hồi giáo lớn của Indonesia.	Kinh tế số Sharia có tiềm năng lớn, đặc biệt trong hai lĩnh vực: công nghiệp Halal (thông qua e-commerce) và tài chính Hồi giáo (Fintech Sharia) để tăng cường tài chính toàn diện.	Chính phủ cần chủ động xây dựng một hệ sinh thái hỗ trợ thông qua ba trụ cột: (1) Củng cố quy định pháp lý, (2) Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, và (3) Thúc đẩy hợp tác giữa các bên liên quan.
M. Jehangir và cộng sự (2011–111) [20]	Tiềm năng kinh tế số của Malaysia bị cản trở bởi ba rào cản chính: thiếu khung pháp lý, công thanh toán an toàn và tỷ lệ doanh nghiệp tham gia thấp.	Các sáng kiến của chính phủ không đủ hiệu quả do các yếu tố nền tảng về pháp lý, an ninh thanh toán và sự chấp nhận của khối doanh nghiệp chưa được giải quyết triệt để.	Cần hành động trên ba phương diện: (1) Hoàn thiện khung pháp lý cho thương mại điện tử, (2) Phát triển công thanh toán an toàn, và (3) Có chính sách khuyến khích cụ thể để doanh nghiệp áp dụng.
A. S. Sudarwanto, và D. B. B. Kharisma (2022– 72) [21]	Sự cần thiết phải có các quy định bảo vệ dữ liệu cá nhân (PDP) hiệu quả trong bối cảnh kinh tế số, và việc so sánh các khung pháp lý khác nhau (Indonesia, Hong Kong, Malaysia) để tìm ra bài học kinh nghiệm.	Khung pháp lý về PDP của Indonesia, Hong Kong và Malaysia có nhiều điểm khác biệt về phạm vi, các nguyên tắc xử lý dữ liệu và cơ chế thực thi. Mỗi quốc gia có những điểm mạnh và điểm yếu riêng trong việc bảo vệ dữ liệu công dân.	Các quốc gia, đặc biệt là Indonesia và Malaysia, cần học hỏi kinh nghiệm và các thông lệ tốt nhất từ các mô hình pháp lý của nhau và của các khu vực phát triển hơn (như Hong Kong) để tăng cường và hoàn thiện luật bảo vệ dữ liệu cá nhân.
R. Wirdiyanti và cộng sự (2023–54) [22]	Kiểm chứng vai trò kép của thương mại điện tử: liệu nó có thể vừa cải thiện hiệu quả kinh doanh, vừa tăng cường tài chính toàn diện cho các doanh nghiệp siêu nhỏ, nhỏ và vừa (MSMEs) hay không.	Thương mại điện tử có tác động tích cực đến cả hiệu quả kinh doanh và tài chính toàn diện, trong đó, tài chính toàn diện đóng vai trò là cầu nối trung gian giúp thúc đẩy hiệu quả kinh doanh.	Chính phủ nên thúc đẩy thương mại điện tử như một chính sách có mục tiêu kép, tận dụng nó làm đòn bẩy mạnh mẽ để thực hiện chiến lược quốc gia về tài chính toàn diện.

B. Trianto, N. H. Nik Azman và M. Masrizal (2025–24) [23]	Thúc đẩy việc áp dụng và sử dụng thanh toán điện tử trong nhóm đối tượng doanh nhân siêu nhỏ (micro-entrepreneurs), và so sánh các yếu tố ảnh hưởng giữa hai quốc gia Indonesia và Malaysia để có chính sách hiệu quả hơn.	Các yếu tố như nhận thức về sự hữu ích, dễ sử dụng và sự hỗ trợ của chính phủ đều ảnh hưởng đến việc áp dụng. Tuy nhiên, mức độ tác động của từng yếu tố là khác nhau giữa bối cảnh của Indonesia và Malaysia.	Chính sách thúc đẩy thanh toán điện tử cần được thiết kế riêng biệt và tùy chỉnh cho từng bối cảnh quốc gia, thay vì áp dụng một mô hình chung. Cần chú trọng vào các yếu tố có tác động lớn nhất tại mỗi nước để tối ưu hóa hiệu quả.
---	--	--	--

Tương ứng với các rào cản đó, giải pháp chính sách được đề xuất nhiều nhất tập trung vào việc xây dựng và hoàn thiện luật pháp để tạo ra một sân chơi minh bạch. Đồng thời, các nghiên cứu nhấn mạnh sự cần thiết của các chương trình hỗ trợ trực tiếp cho SMEs, không chỉ về tài chính mà còn về đào tạo kỹ năng số. Tuy nhiên, các nghiên cứu cũng chỉ ra sự khác biệt đáng kể trong cách tiếp cận giữa các quốc gia. Ví dụ, Indonesia thể hiện sự quan tâm đặc biệt đến mô hình "kinh tế số Sharia" để giải quyết vấn đề công bằng xã hội, trong khi các nghiên cứu so sánh giữa Indonesia và Malaysia cho thấy mức độ ảnh hưởng của sự hỗ trợ từ chính phủ là khác nhau, đòi hỏi mỗi quốc gia phải có chính sách tùy chỉnh thay vì áp dụng một mô hình chung.

- Dòng chảy 2: Chính sách hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa

Phân tích tổng hợp các nghiên cứu trong Bảng 4 cho thấy các SMEs trong khu vực phải đối mặt với ba thách thức lớn khi tham gia vào kinh tế số: hạn chế về nguồn lực tài chính, yếu kém về năng lực công nghệ nội tại, và thiếu hụt kỹ năng nhân lực số. Để giải quyết những vấn đề này, các vấn đề chính sách trong giới học thuật chủ yếu xoay quanh hai luồng can thiệp chính: các chính sách hỗ trợ tài chính (như thúc đẩy tài chính toàn diện) và các chương trình nâng cao năng lực (như đào tạo, tư vấn kỹ thuật).

Về hiệu quả, các nghiên cứu chỉ ra rằng chính sách "một kích cỡ cho tất cả" thường không thành công, thay vào đó các chương trình hỗ trợ cần được tùy chỉnh cho phù hợp với bối cảnh cụ thể của từng quốc gia. Một phát hiện quan trọng của nghiên cứu là chính sách của chính phủ thường không phát huy hiệu quả tối ưu qua hỗ trợ trực tiếp, mà bằng cách tác động gián tiếp thông qua việc kiến tạo một môi trường cạnh tranh, từ đó giúp doanh nghiệp tự xây dựng năng lực công nghệ và kỹ năng nội tại.

Bảng 4. Tổng hợp các nghiên cứu tiêu biểu về chính sách hỗ trợ SMEs

Tác giả (Năm – Lượt trích dẫn)	Vấn đề chính sách	Phát hiện chính	Khuyến nghị
M. Najib và F. Fahma (2020–238) [24]	Chính phủ Indonesia thúc đẩy thanh toán số, nhưng các SMEs gặp nhiều rào cản (về kiến thức, nguồn lực) trong việc tiếp nhận và áp dụng	Ý định sử dụng hệ thống thanh toán số của SMEs phụ thuộc vào bốn yếu tố chính: (1) Nhận thức về sự hữu ích, (2) Nhận thức về sự dễ sử dụng, (3) Thái độ tích cực, và (4) Niềm tin vào hệ thống.	Các nhà hoạch định chính sách và tổ chức tài chính cần xây dựng chiến lược và sản phẩm tác động trực tiếp vào bốn yếu tố (hữu ích, dễ sử dụng, thái độ, niềm tin) để khuyến khích các SMEs áp dụng thanh toán số hiệu quả hơn.
R. Sarif và cộng sự (2023–63) [25]	Hỗ trợ MSMEs chuyển từ việc áp dụng kỹ thuật số một cách "phản ứng" sang "chiến lược" để xây dựng khả năng phục hồi và cạnh tranh bền vững hậu đại dịch.	Khả năng phục hồi của MSMEs đến từ việc tích hợp số hóa sâu rộng vào hoạt động cốt lõi (như vận hành, phân tích dữ liệu), chứ không chỉ dừng lại ở việc bán hàng trực tuyến.	Chính sách của chính phủ cần thúc đẩy số hóa toàn diện, đặc biệt là hỗ trợ MSMEs nâng cao năng lực phân tích dữ liệu và số hóa quy trình vận hành nội bộ.
B. T. Mai và cộng sự (2024–60) [26]	Xác định vai trò và cách thức tác động của chính sách chính phủ trong việc thúc đẩy chuyển đổi số và năng lực đổi mới của SMEs tại Việt Nam trong bối cảnh sau đại dịch COVID-19.	Chính sách của chính phủ không có tác động trực tiếp đến năng lực đổi mới của doanh nghiệp. Thay vào đó, tác động này mang tính gián tiếp hoàn toàn: chính sách chính phủ giúp doanh nghiệp nâng cao năng lực công nghệ thông tin, từ đó thúc đẩy chuyển đổi số, và cuối cùng mới dẫn đến năng lực đổi mới.	Để thúc đẩy sự đổi mới, chính phủ cần thiết kế các chính sách tập trung vào việc xây dựng năng lực nội tại cho doanh nghiệp. Cụ thể, chính sách nên ưu tiên hỗ trợ SMEs nâng cao năng lực IT và tạo điều kiện thuận lợi cho quá trình chuyển đổi số của họ, vì đây là những đòn bẩy trực tiếp và hiệu quả nhất.
Muhammad Alfarizi, Tika Widiastuti, và Ngatindriatun (2024–58) [27]	Hỗ trợ MSMEs kỹ thuật số của Indonesia đạt hiệu quả bền vững trước áp lực kép: thách thức công nghệ nội tại và xu hướng kinh tế bên ngoài.	Hiệu quả bền vững của MSMEs phụ thuộc vào việc vượt qua các rào cản công nghệ (kỹ năng số, tích hợp, an ninh) và khả năng thích ứng với các xu hướng kinh tế (thay đổi hành vi người dùng, áp lực cạnh tranh).	Chính phủ cần hỗ trợ đa chiều, không chỉ về công nghệ mà còn phải tập trung vào việc đào tạo kỹ năng số, cung cấp hỗ trợ an ninh mạng và tạo ra một môi trường cạnh tranh công bằng.

V. A. Ta và C.-Y. Lin (2023–43) [28]	Xác định các yếu tố then chốt ảnh hưởng đến việc chuyển đổi số của SMEs để giúp chính phủ có chính sách hỗ trợ hiệu quả và đúng trọng tâm.	Việc áp dụng chuyển đổi số của SMEs phụ thuộc vào ba nhóm yếu tố: công nghệ, tổ chức và môi trường. Trong đó, sự ủng hộ của lãnh đạo và áp lực cạnh tranh là hai động lực quan trọng nhất.	Chính phủ cần tạo ra môi trường cạnh tranh để thúc đẩy nhu cầu chuyển đổi số, đồng thời có các chính sách hỗ trợ nâng cao năng lực nội tại (tổ chức, công nghệ) của doanh nghiệp.
--------------------------------------	--	--	---

- Dòng chảy 3: Quản trị dữ liệu và các công nghệ mới (Fintech, AI, ...)

Phân tích các nghiên cứu về quản trị dữ liệu và công nghệ mới trong Bảng 5 cho thấy ba chủ đề chính sách nổi bật sau:

Thứ nhất, các công trình tập trung vào vấn đề cốt lõi giữa việc thúc đẩy đổi mới và quản lý rủi ro, đặc biệt trong lĩnh vực Fintech. Một giải pháp chính sách quan trọng và được đề xuất nhiều lần là việc áp dụng các cơ chế quản lý linh hoạt, điển hình là khuôn khổ thử nghiệm có kiểm soát (regulatory sandbox). Cách tiếp cận này được xem là công cụ hiệu quả để cho phép các công nghệ tài chính mới phát triển trong một môi trường an toàn, giúp nhà quản lý cân bằng giữa hai mục tiêu trên.

Thứ hai, các nghiên cứu cho thấy sự phát triển ngày càng rõ nét của các khung pháp lý về bảo vệ dữ liệu cá nhân tại Đông Nam Á. Tuy nhiên, các phân tích so sánh chỉ ra rằng vẫn còn sự khác biệt và thiếu đồng bộ đáng kể giữa các quy định của từng quốc gia, và nhìn chung vẫn còn một khoảng cách nhất định khi so sánh với các chuẩn mực quốc tế khắt khe hơn như GDPR của Châu Âu.

Cuối cùng, một dòng chảy quan trọng khám phá vai trò tiềm năng của trí tuệ nhân tạo (AI) và blockchain trong việc cải thiện quản trị công. Blockchain được xác định là một công cụ đầy hứa hẹn để tăng cường tính minh bạch và chống tham nhũng, đặc biệt trong mua sắm công. Trong khi đó, AI được xem là có tiềm năng lớn trong việc tối ưu hóa dịch vụ công và hỗ trợ hoạch định chính sách, dù việc triển khai vẫn còn đối mặt với các thách thức về sự phối hợp và quản trị dữ liệu.

Bảng 5. Tổng hợp các nghiên cứu tiêu biểu về quản trị dữ liệu và công nghệ mới

Tác giả (Năm – Lượt trích dẫn)	Vấn đề chính sách	Phát hiện chính	Khuyến nghị
P. J. Morgan (2022–137) [29]	Tận dụng Fintech như một công cụ chiến lược để giải quyết thách thức về tài chính toàn diện (financial inclusion) tại khu vực Đông Nam Á và Ấn Độ.	Fintech, đặc biệt là thanh toán số và cho vay ngang hàng (P2P), có tiềm năng lớn để thúc đẩy tài chính toàn diện, nhưng vẫn bị cản trở bởi các vấn đề về khung pháp lý và kiến thức kỹ thuật số của người dùng.	Chính phủ cần xây dựng chiến lược quốc gia về tài chính toàn diện, tạo môi trường pháp lý thuận lợi (ví dụ: regulatory sandbox), và nâng cao kiến thức số cho người dân để phát huy tối đa tiềm năng của Fintech.
A. Sudarwanto và D. B. B. Kharisma (2022–74) [30]	So sánh các quy định về bảo vệ dữ liệu cá nhân (PDP) giữa Indonesia, Hong Kong và Malaysia để tìm ra bài học kinh nghiệm và các thông lệ tốt nhất trong bối cảnh kinh tế số.	Luật bảo vệ dữ liệu cá nhân của ba khu vực có sự khác biệt đáng kể về phạm vi, nguyên tắc và cơ chế thực thi, với mỗi mô hình đều có những điểm mạnh và điểm yếu riêng.	Các quốc gia cần học hỏi chéo kinh nghiệm từ các mô hình pháp lý của nhau để hoàn thiện và tăng cường hiệu quả của luật bảo vệ dữ liệu trong nước.
M. Khalfan, N. Azizi, O. Haass, T. Maqsood, và I. Ahmed (2022–40) [31]	Ứng dụng công nghệ blockchain để tăng tính minh bạch, hiệu quả và chống tham nhũng trong hoạt động mua sắm công và quản lý dự án của nhà nước.	Các đặc tính của blockchain (như tính bất biến, hợp đồng thông minh) có thể giúp quy trình mua sắm công trở nên minh bạch, tự động và đáng tin cậy hơn, giảm thiểu sai sót và gian lận.	Khu vực công nên triển khai thí điểm ứng dụng blockchain, song song với việc xây dựng khung pháp lý và đào tạo, nâng cao năng lực cho các nhân sự liên quan.
R. Wadipalapa và cộng sự (2024–33) [32]	Khó khăn trong việc triển khai chính sách quốc gia về AI một cách hiệu quả và đồng bộ trong một hệ thống quản trị phi tập trung như ở Indonesia, nơi có sự khác biệt lớn về năng lực và ưu tiên giữa chính quyền trung ương và địa phương.	Việc triển khai chính sách AI quốc gia bị cản trở bởi ba rào cản chính: (1) Sự thiếu phối hợp và chồng chéo giữa các cơ quan trung ương và địa phương, (2) Năng lực (về kỹ năng, hạ tầng, tài chính) không đồng đều giữa các vùng, và (3) Các vấn đề về quản trị dữ liệu và chia sẻ dữ liệu liên cấp.	Cần có các giải pháp để tăng cường sự liên kết. Khuyến nghị bao gồm: (1) Thiết lập các cơ chế phối hợp liên chính phủ rõ ràng, (2) Triển khai các chương trình xây dựng năng lực AI có mục tiêu cho các địa phương, và (3) Xây dựng một khung quản trị dữ liệu quốc gia thống nhất.

A. I. Abueid và cộng sự (2025-0) [33]	Làm thế nào để cân bằng giữa việc khuyến khích sự đổi mới do Fintech mang lại và việc kiểm soát các rủi ro mới, nhằm đảm bảo sự ổn định của toàn bộ hệ thống tài chính.	Các công nghệ mới như AI và blockchain đang tạo ra một sự thay đổi mang tính cấu trúc trong ngành tài chính, qua đó thúc đẩy cạnh tranh và thách thức các mô hình kinh doanh truyền thống.	Cần áp dụng các cơ chế quản lý linh hoạt, điển hình là khuôn khổ thử nghiệm có kiểm soát (regulatory sandbox), để vừa cho phép đổi mới, vừa đảm bảo an toàn cho hệ thống.
---------------------------------------	---	--	---

5 Thảo luận về kết quả nghiên cứu

Tích hợp kết quả từ hai giai đoạn phân tích cho phép diễn giải sâu hơn các phát hiện. Bản đồ tri thức (Hình 3) đã định vị rõ ba dòng chảy nghiên cứu trọng tâm: (1) thúc đẩy chuyển đổi số và thương mại điện tử, (2) chính sách hỗ trợ SMEs, và (3) quản trị các công nghệ mới. Mặc dù các chủ đề này tương đồng với xu hướng toàn cầu, tổng quan hệ thống đã làm sáng tỏ những ưu tiên và thách thức mang tính đặc thù của khu vực Đông Nam Á. Cụ thể, các quốc gia phải đối mặt với thách thức kép: vừa cần xây dựng các khung pháp lý nền tảng (về thương mại điện tử, bảo vệ dữ liệu), vừa phải có các chính sách được tùy chỉnh theo bối cảnh kinh tế - xã hội riêng biệt như mô hình "kinh tế số Shariah" của Indonesia. Đối với SMEs, phát hiện quan trọng là vai trò kiến tạo gián tiếp của chính phủ, tập trung vào việc tạo môi trường cạnh tranh, tỏ ra hiệu quả hơn là can thiệp trực tiếp. Tương tự, trong lĩnh vực công nghệ mới, bài toán cân bằng giữa khuyến khích đổi mới và quản lý rủi ro được giải quyết thông qua các cơ chế linh hoạt như "regulatory sandbox", với mục tiêu chiến lược là thúc đẩy tài chính toàn diện.

Quan trọng hơn, các dòng chảy chính sách này không tồn tại biệt lập mà có sự tương tác và phụ thuộc lẫn nhau. Khung pháp lý về chuyển đổi số (dòng chảy 1) chính là điều kiện tiên quyết để SMEs (dòng chảy 2) có thể tự tin tham gia vào kinh tế số. Tương tự, chính sách quản trị công nghệ mới như Fintech (dòng chảy 3) tác động trực tiếp đến khả năng tiếp cận vốn và năng lực cạnh tranh của SMEs. Mỗi liên kết đa chiều này cho thấy việc hoạch định chính sách kinh tế số đòi hỏi một tư duy hệ thống. Thay vì cách tiếp cận riêng lẻ cho từng lĩnh vực, các nhà hoạch định chính sách cần xây dựng một chiến lược tổng thể, đồng bộ để tạo ra sự cộng hưởng và tối ưu hóa hiệu quả trong bối cảnh phát triển năng động của khu vực.

6 Kết luận và hướng nghiên cứu tương lai

Nghiên cứu này đã triển khai phương pháp tiếp cận hỗn hợp tuần tự, kết hợp phân tích trắc lượng thư mục và tổng quan hệ thống, nhằm cung cấp một bức tranh toàn diện và đa chiều về lĩnh vực chính sách và quản trị kinh tế số tại Đông Nam Á. Ở giai đoạn đầu, phân tích trắc lượng thư mục trên 483 tài liệu từ cơ sở dữ liệu Scopus đã vẽ nên bản đồ tri thức toàn cảnh của lĩnh vực. Kết quả cho thấy sự tăng trưởng bùng nổ của các công bố khoa học trong giai đoạn

2021-2024, đồng thời định vị rõ ba dòng chảy nghiên cứu trọng tâm: (1) chính sách thúc đẩy chuyển đổi số và thương mại điện tử, (2) hỗ trợ SMEs, và (3) quản trị các công nghệ mới. Dựa trên nền tảng này, giai đoạn tổng quan hệ thống đã đi sâu làm sáng tỏ các tranh luận chính sách cốt lõi.

Về mặt đóng góp, nghiên cứu đã cung cấp một bản đồ tri thức đa lớp: bản đồ trắc lượng thư mục mang lại góc nhìn vĩ mô về cấu trúc ngành, trong khi tổng quan hệ thống mang đến sự diễn giải sâu sắc về các vấn đề cốt lõi chính sách bên trong. Sự kết hợp này không chỉ giúp các nhà khoa học định vị các xu hướng và khoảng trống học thuật một cách tường minh hơn mà còn mang lại cơ sở bằng chứng vững chắc cho các nhà hoạch định chính sách.

Mặc dù đã đạt được các mục tiêu đề ra, nghiên cứu vẫn tồn tại một số hạn chế cần được nhìn nhận. Thứ nhất, về nguồn dữ liệu, việc chỉ sử dụng dữ liệu từ Scopus có thể đã bỏ sót các công trình khoa học không được chỉ mục trong cơ sở dữ liệu này. Thứ hai, về phạm vi địa lý, nghiên cứu tập trung chủ yếu vào khu vực ASEAN, do đó kết quả có thể chưa phản ánh đầy đủ bối cảnh của các khu vực đang phát triển khác. Thứ ba, mặc dù phương pháp hỗn hợp đã khắc phục được hạn chế về chiều sâu của trắc lượng thư mục, giai đoạn tổng quan hệ thống vẫn chủ yếu tập trung vào các cụm chủ đề lớn và các công trình có ảnh hưởng nhất. Do đó, các dòng chảy nghiên cứu nhỏ hơn hoặc mới nổi có thể chưa được phân tích một cách toàn diện.

Từ những hạn chế và phát hiện của nghiên cứu, các định hướng trong tương lai cần được mở rộng trên nhiều phương diện. Về phương pháp luận, cần kết hợp thêm các nguồn dữ liệu như Web of Science và Google Scholar để tăng tính toàn diện, đồng thời làm sâu sắc hơn các phân tích định tính thông qua việc mở rộng phạm vi tổng quan hệ thống và áp dụng các nghiên cứu tình huống (case study) để khám phá chi tiết quá trình triển khai chính sách. Về phạm vi, các nghiên cứu so sánh giữa khu vực ASEAN và các khu vực đang phát triển khác là rất cần thiết để rút ra những bài học có giá trị khái quát cao hơn. Về nội dung, nghiên cứu tương lai nên ưu tiên các chủ đề chính sách mới nổi và cấp thiết, bao gồm quản trị dữ liệu liên quốc gia, chính sách thuế đối với các nền tảng số, và tác động đa chiều của trí tuệ nhân tạo đến thị trường lao động và bất bình đẳng xã hội.

Tài liệu tham khảo

1. F. Hoppe, A. Baijal, W. Chang, S. Chadna and F. W. Hoong, "e-Economy SEA 2023," Bain. Accessed: July 23, 2025. [Online]. Available: <https://www.bain.com/insights/e-economy-sea-2023/>
2. O. OCDE (2020), Digital Economy Outlook 2020, Paris, Francia, OECD Publishing.
3. A. A. Oloyede, N. Faruk, N. Noma, E. Tebepah, and A. K. Nwaulune (2023), Measuring the impact of the digital economy in developing countries: A systematic review and meta-

- analysis, *Heliyon*, 9, 7, Accessed: July 08, 2025. [Online]. Available: [https://www.cell.com/heliyon/fulltext/S2405-8440\(23\)04862-4](https://www.cell.com/heliyon/fulltext/S2405-8440(23)04862-4)
4. S. O. Putri, A. S. Yahya, A. Attahira, L. S. Nabilasari, and V. Tamaela (2023), Digital economy growth in Singapore and Thailand following the post-COVID-19 pandemic, *Journal of Eastern European and Central Asian Research (JEECAR)*, 10, 4, 557–568.
 5. G. Myovella, M. Karacuka, and J. Haucap (2020), Digitalization and economic growth: A comparative analysis of Sub-Saharan Africa and OECD economies, *Telecommunications policy*, 44, 2, 101856.
 6. H. S. Kehal and V. P. Singh (2025), *Digital Economy: impacts, influences, and challenges*. IGI Global. Accessed: June 08, 2025. [Online]. Available: https://books.google.com/books?hl=vi&lr=&id=Vs-i2DeudL0C&oi=fnd&pg=PR7&dq=Digital+economy+policies+and+their+impact+on+global+m+arkets:+A+systematic+review&ots=Flcs_jaOIO&sig=R3_nqMZv4KOe-inG4OgpsRv0jH4
 7. I. Ivanova and D. Sceulovs (2018), Identifying elements of the digital economy ecosystem, *Journal of Business Management*, 16, Accessed: June 08, 2025. [Online]. Available: <https://journals.riseba.eu/index.php/jbm/article/view/38>
 8. D. Kisel'áková, M. Košíková, M. Miškuřová, and V. Loumová (2024), "Driving factors of the digital economy-how countries can manage their digital development," *Polish Journal of Management Studies*, 29, Accessed: June 08, 2025. [Online]. Available: <https://yadda.icm.edu.pl/baztech/element/bwmeta1.element.baztech-900e1e54-1f61-4e44-8a23-513f48c49fa0>
 9. S. Wang, X. Sun, and S. Zhong (2023), Exploring the multiple paths to improve the construction level of digital government: Qualitative comparative analysis based on the WSR framework, *Sustainability*, 15, 13, 9891.
 10. P. Keller and A. Tarkowski, "Digital Public Space–A missing policy frame for shaping Europe's digital future," *Open Future*, 2021, Accessed: June 08, 2025. [Online]. Available: <https://openfuture.pubpub.org/pub/digital-public-space-policy-frame/release/1>
 11. C. Kuner (2020), The GDPR and international organizations, 2020, Accessed: June 08, 2025. [Online]. Available: <https://www.cambridge.org/core/journals/american-journal-of-international-law/article/gdpr-and-international-organizations/5EDB2AA87AB6BAF9C3731FF3CD0080A9>
 12. T. Homa (2024), "Taxation of digital economy according to OECD," *INTERACTION OF LAW AND ECONOMICS: SUSTAINABLE DEVELOPMENT*, 76.
 13. G. Liva, C. Codagnone, G. Misuraca, V. Gineikyte, and E. Barcevicius (2020), Exploring digital government transformation: a literature review, in *Proceedings of the 13th International Conference on Theory and Practice of Electronic Governance*, Athens Greece, ACM, 502–509. doi: 10.1145/3428502.3428578.

14. UN E-Government Survey 2022, Accessed: July 23, 2025. [Online]. Available: <https://publicadministration.un.org/egovkb/en-us/Reports/UN-E-Government-Survey-2022>
15. A. Kopylchak (2023), OECD/G20 Pillar One Proposal to Address Tax Challenges Arising from Digitalisation of Economy," PhD Thesis, Mykolo Romerio universitetas, Accessed: June 08, 2025,. [Online]. Available: <https://gs.elaba.lt/object/elaba:152451725/>
16. Tax Challenges Arising from Digitalisation of the Economy – Global Anti-Base Erosion Model Rules (Pillar Two), OECD, Accessed: July 23, 2025. [Online]. Available: https://www.oecd.org/en/publications/tax-challenges-arising-from-digitalisation-of-the-economy-global-anti-base-erosion-model-rules-pillar-two_782bac33-en.html
17. N. Donthu, S. Kumar, D. Mukherjee, N. Pandey, and W. M. Lim (2021), How to conduct a bibliometric analysis: An overview and guidelines, *Journal of business research*, 133, 285–296.
18. N. J. Van Eck and L. Waltman (2014), Visualizing Bibliometric Networks, *Measuring Scholarly Impact*, Y. Ding, R. Rousseau, and D. Wolfram, Eds., Cham: Springer International Publishing, 285–320, doi: 10.1007/978-3-319-10377-8_13.
19. A. Barata (2019), Strengthening national economic growth and equitable income through sharia digital economy in Indonesia, *Journal of Islamic Monetary Economics and Finance*, 5, 1, 145–168.
20. M. Jehangir, P. D. D. Dominic, and A. Khan (2011), Towards digital economy: the development of ICT and e-commerce in Malaysia, *Modern Applied Science*, 5, 2, 171.
21. A. S. Sudarwanto and D. B. B. Kharisma (2022), Comparative study of personal data protection regulations in Indonesia, Hong Kong and Malaysia, *Journal of Financial Crime*, 29, 04, 1443–1457.
22. R. Wirdiyanti et al. (2023), How does e-commerce adoption impact micro, small, and medium enterprises' performance and financial inclusion? Evidence from Indonesia, *Electron Commer Res*, 23, 04, 2485–2515, doi: 10.1007/s10660-022-09547-7.
23. B. Trianto, N. H. Nik Azman, and M. Masrizal (2025), E-payment adoption and utilization among micro-entrepreneurs: a comparative analysis between Indonesia and Malaysia, *Journal of Science and Technology Policy Management*, 16, 02, 314–343.
24. M. Najib and F. Fahma (2020), Investigating the adoption of digital payment system through an extended technology acceptance model: An insight from the Indonesian small and medium enterprises, *International Journal on Advanced Science, Engineering and Information Technology*, 10, 4, 1702–1708.
25. R. Sarif, R. M. Susanto, N. R. Retnasih, and S. Segaf (2023), Revolutionizing resilience: msme's journey with digital strategies in post-pandemic recovery, *JMK (Jurnal Manajemen dan Kewirausahaan)*, 08, 03, 203–218.

26. B. T. Mai, P. V. Nguyen, U. N. H. Ton, and Z. U. Ahmed (2024), Government policy, IT capabilities, digital transformation, and innovativeness in Post-Covid context: case of Vietnamese SMEs, *International Journal of Organizational Analysis*, 32, 02, 333–356.
27. M. Alfarizi, T. Widiastuti, and Ngatindriatun (2024), Exploration of Technological Challenges and Public Economic Trends Phenomenon in the Sustainable Performance of Indonesian Digital MSMEs on Industrial Era 4.0, *J. Ind. Intg. Mgmt.*, 09, 01, 65–96, doi: 10.1142/S2424862223500045.
28. V. A. Ta and C.-Y. Lin (2023), Exploring the determinants of digital transformation adoption for SMEs in an emerging economy, *Sustainability*, 15, 9, 7093.
29. P. J. Morgan (2022), Fintech and Financial Inclusion in Southeast Asia and India, *Asian Economic Policy Review*, 17, 2, 183–208, doi: 10.1111/aepr.12379.
30. A. S. Sudarwanto and D. B. B. Kharisma (2022), Comparative study of personal data protection regulations in Indonesia, Hong Kong and Malaysia, *Journal of Financial Crime*, 29, 4, 1443–1457.
31. M. Khalfan, N. Azizi, O. Haass, T. Maqsood, and I. Ahmed (2022), Blockchain technology: Potential applications for public sector E-procurement and project management, *Sustainability*, 14, 10, 5791.
32. R. P. Wadipalapa et al. (2024), An Ambitious Artificial Intelligence Policy in a Decentralised Governance System: Evidence From Indonesia, *Journal of Current Southeast Asian Affairs*, 43, 1, 65–93, doi: 10.1177/18681034231226393.
33. A. I. Abueid et al (2025), Digital Finance and Fintech Innovations Towards Disrupting Finance Innovation, *Artificial Intelligence, Sustainable Technologies, and Business Innovation: Opportunities and Challenges of Digital Transformation*, 1171, A. Al-Sartawi and H. Ghura, Eds., in *Studies in Computational Intelligence*, vol. 1171. , Cham: Springer Nature Switzerland, 17–31, doi: 10.1007/978-3-031-77925-1_2.